TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 01 - 2026.
V/v tranh chấp Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, phân chia nghĩa vụ về tài sản
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lường Khắc Tiệp và ông Hà Bá Khiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Thế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Phú Thọ *tham gia phiên toà:* Ông Mai Thanh Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Khà Thị H, sinh năm 1998. Địa chỉ: xóm N, xã M, tỉnh Phú Thọ. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn H1, sinh năm 1993. Địa chỉ: xóm N, xã M, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh P - Phòng G. Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc. Người đại diện tham gia tố tụng theo uỷ quyền: bà Khà Thị P - Phó giám đốc Phòng G. Địa chỉ trụ sở: Tiểu khu A, xã M, tỉnh Phú Thọ. Có mặt tại phiên toà.

Ông Hà Văn K, sinh năm 1976 và bà Hà Thị K1, sinh năm 1973. Cùng địa chỉ: xóm N, xã M, tỉnh Phú Thọ. Đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là chị Khà Thị H trình bày: chị và anh Hà Văn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Hòa Bình (Nay là xã M, tỉnh Phú Thọ) ngày 22/9/2016. Cuộc sống chung sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng thời gian đầu bình thường Đến năm 2024 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh.

Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống; vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ, yêu thương gì đến nhau nữa. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị Khà Thị H thấy đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn H1. Về con chung: chị Khà Thị H và anh Hà Văn H1 có 02 con chung là Hà Đức B, sinh ngày 17/6/2017 và Hà Hải Đ, sinh ngày 19/12/2023. Khi ly hôn, chị Khà Thị H nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Hải Đ và để anh Hà Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Đức B. Chị Khà Thị H chưa yêu cầu anh Hà Văn H1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: chị Khà Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: vợ chồng có nợ Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh P - Phòng G số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Khi ly hôn, chị Khà Thị H yêu cầu anh Hà Văn H1 có nghĩa vụ trả khoản nợ nêu trên.

Về phía anh Hà Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của anh Hà Văn H1 thể hiện anh Hà Văn H1 có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ chị Khà Thị H đã cung cấp cho Tòa án nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, không ở một địa chỉ ổn định nên không lấy được ý kiến của anh Hà Văn H1. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Văn K và bà Hà Thị K1 trình bày: Ông Hà Văn K và bà Hà Thị K1 là bố mẹ đẻ anh Hà Văn H1. Sau khi anh H1 và chị H kết hôn có chung sống cùng gia đình ông bà. Quá trình chung sống, gia đình có vay Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh P - Phòng G tổng số tiền là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng để nuôi bò sinh sản. Gia đình cử đại diện là anh Hà Văn H1 đứng tên Sổ vay vốn. Nay anh Hà Văn H1 và chị Khà Thị H ly hôn thì khoản nợ nêu trên xin được xử lý theo quy định của pháp luật.

Phía đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ngân hàng C xác nhận hộ gia đình ông Hà Văn H1 có 05 thành viên và có cử ông Hà Văn H1 là đại diện vay ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 50.000.000 (Ba mươi triệu) đồng theo chương trình cho vay hộ nghèo, được giải ngân hai lần: lần thứ nhất vào ngày 07/4/2023 với số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng theo mã món vay 6600000725348102, hạn trả cuối cùng ngày 07/4/2028; lần hai vào ngày 07/5/2023 với số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng theo mã món vay 6600000725667320, hạn trả cuối cùng ngày 07/5/2028. Mục đích vay để chăn nuôi bò sinh sản. Khi vợ chồng bà Khà Thị H, ông Hà Văn H1 ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết khoản nợ trên theo quy định của pháp luật; yêu cầu vợ hoặc chồng cư trú thường xuyên trên địa bàn, có điều kiện kinh tế, nắm giữ tài sản thì có trách nhiệm trả nợ toàn bộ số tiền lãi và gốc phát sinh của khoản vay nêu trên.

Kết quả Tòa án xác minh, thể hiện: tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Khà Thị H và anh Hà Văn H1 đúng như chị Khà Thị H đã khai. Sau khi kết hôn, chị Khà Thị H sinh sống cùng gia đình anh Hà Văn H1. Hiện nay chị Khà Thị H làm ăn và sinh sống tại địa phương còn anh Hà Văn H1 đi làm ăn xa nhưng thường xuyên vẫn trở về địa phương.

Toà án đã tiến hành lấy lời khai con chung của chồng chị Khà Thị H và anh Hà Văn H1 là cháu Hà Đức B thể hiện cháu Hà Đức B có nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Khà Thị H.

Tại phiên tòa, chị Khà Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về ly hôn, yêu cầu được nuôi cả hai con chung, phân chia nghĩa vụ về tài sản chung sau ly hôn. Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm của mình.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, đã được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Khà Thị H và anh Hà Văn H1 có mâu thuẫn trầm trọng; không còn tình cảm vợ chồng; mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn. Về con chung hiện chị Khà Thị H có đầy đủ điều kiện nuôi con, còn anh Hà Văn H1 thu nhập, chỗ ở không ổn định và theo nguyện vọng của con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con chung cho chị Khà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung do nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về nợ chung: đây là khoản nợ chung gia đình chị Khà Thị H và anh Hà Văn H1 cùng gia đình bố mẹ đẻ anh Hà Văn H1 mục đích vay để nuôi bò, phục vụ kinh tế gia đình anh Hà Văn H1. Do vậy, cần buộc anh Hà Văn H1 có nghĩa vụ thanh toán khoản vay này khi đến hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hà Văn H1 không có mặt tại Tòa án mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh Hà Văn H1 đúng như địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp. Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh Hà Văn H1. Do bị đơn đã được triệu hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và nguyên đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Văn K và bà Hà Thị K1 đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ nhất nhưng vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Văn K và bà Hà Thị K1 đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Khà Thị H và anh Hà Văn H1 khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm về độ tuổi cũng như những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước

có thẩm quyền. Do vậy, hôn nhân giữa chị Khà Thị H và anh Hà Văn H1 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị Khà Thị H và anh Hà Văn H1 có xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được xác minh thể hiện vợ chồng chị Khà Thị H và anh Hà Văn H1 trong cuộc sống có nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa mà bỏ mặc ai sống thế nào cũng được. Như vậy, chị Khà Thị H và anh Hà Văn H1 không còn thương yêu nhau, không còn chung sống cùng nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của chị Khà Thị H là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Xác nhận chị Khà Thị H và anh Hà Văn H1 có 02 con chung là Hà Đức B, sinh ngày 17/6/2017 và Hà Hải Đ, sinh ngày 19/12/2023. Khi ly hôn, chị Khà Thị H nhận trực tiếp nuôi con chung. Xét điều kiện nuôi con của cả hai bên thấy rằng: phía chị Khà Thị H có công việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định còn phía anh Hà Văn H1 hiện thường xuyên không sinh sống tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, không có chỗ ở ổn định. Mặt khác, con chung của chị Khà Thị H và anh Hà Văn H1 có mong muốn được ở với chị Khà Thị H. Do vậy, vì quyền lợi mọi mặt của trẻ em, Hội đồng xét xử xét cần giao cả hai con chung cho chị Khà Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp tình, hợp lý. Về nghĩa vụ cấp dưỡng phía chị Khà Thị H chưa có yêu cầu anh Hà Văn H1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là ý kiến tự nguyện của chị Khà Thị H và không ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Khà Thị H nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Khà Thị H vẫn có quyền yêu cầu anh Hà Văn H1 cấp dưỡng trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động. Anh Hà Văn H1 có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Do chị Khà Thị H khai là không có và việc anh Hà Văn H1 vắng mặt nên Tòa án không lấy được ý kiến của anh Hà Văn H1 nên không có cơ sở xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp về tài sản chung và có yêu cầu thì sẽ được xem xét bằng vụ việc khác.

[5] Về nợ chung của vợ chồng: Xác định vợ chồng chị Khà Thị H và anh Hà Văn H1 trong thời kỳ hôn nhân có nợ chung Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh P - Phòng G số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng theo chương trình cho vay hộ nghèo, được giải ngân hai lần: lần thứ nhất vào ngày 07/4/2023 với số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng theo mã món vay 6600000725348102, hạn trả cuối cùng ngày 07/4/2028; lần hai vào ngày 07/5/2023 với số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng theo mã món vay 6600000725667320, hạn trả cuối cùng ngày 07/5/2028. Mục đích để chăn nuôi bò sinh sản. Theo hồ sơ vay vốn thì gia đình anh Hà Văn H1 và chị Khà Thị H khi vay vốn còn có sự tham gia của ông Hà Văn K và bà Hà Thị K1 là bố mẹ đẻ anh Hà Văn H1, gia đình uỷ quyền cho anh Hà Văn H1 đứng tên vay vốn. Do vậy, xác định đây là khoản vay chung của hai vợ chồng cùng gia đình trong thời kỳ hôn nhân. Về nghĩa vụ trả nợ, xét thấy mục đích vay vốn để chăn nuôi, phục vụ nhu cầu cuộc sống chung gia đình trong đó có cả bố mẹ đẻ anh Hà Văn H1. Bản thân anh Hà Văn H1 là người thực tế sinh sống tại địa phương M. Do vậy, theo đề nghị của đại diện Ngân hàng C và của chị Khà Thị

H, buộc anh Hà Văn H1 có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên là hợp tình, hợp lý.

[6] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83; khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Khà Thị H về việc xin ly hôn; cho chị Khà Thị H được ly hôn với anh Hà Văn H1.

2. Về con chung: Xác nhận chị Khà Thị H và anh Hà Văn H1 có 02 con chung là Hà Đức B, sinh ngày 17/6/2017 và Hà Hải Đ, sinh ngày 19/12/2023. Sau khi ly hôn, giao cả hai cháu Hà Đức B và Hà Hải Đ cho chị Khà Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hà Văn H1 chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Khà Thị H chưa có yêu cầu. Anh Hà Văn H1 có quyền thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Anh Hà Văn H1 không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Khà Thị H.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Xác nhận chị Khà Thị H và anh Hà Văn H1 trong thời kỳ hôn nhân có nợ chung Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh P - Phòng G số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng theo chương trình cho vay hộ nghèo, được giải ngân hai lần: lần thứ nhất vào ngày 07/4/2023 với số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng theo mã món vay 6600000725348102, hạn trả cuối cùng ngày 07/4/2028; lần hai vào ngày 07/5/2023 với số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng theo mã món vay 6600000725667320, hạn trả cuối cùng ngày 07/5/2028. Sau khi ly hôn, anh Hà Văn H1 có nghĩa vụ thanh toán trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh P - Phòng G khi đến hạn.

5. Án phí: Chị Khà Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004271 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh P; chị Khà Thị H đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 16 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 16 – Phú Thọ;
- UBND xã M – Phú Thọ;
  (Nơi đăng ký kết hôn tại UBND xã N – Mai Châu – Hoà Bình cũ)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn